

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lưu và bà Lê Thị My.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2025, tại: Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị [Trần Thị Mỹ D](#), sinh năm: 1992; địa chỉ nơi cư trú: [Thôn T, xã C, tỉnh Quảng Trị](#), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh [Hò Văn H](#), sinh năm: 1990; địa chỉ nơi cư trú: [Thôn B, xã C, tỉnh Quảng Trị](#), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 8 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị [Trần Thị Mỹ D](#) trình bày:

- Về tình cảm: Chị [Trần Thị Mỹ D](#) và anh [Hò Văn H](#) đăng ký kết hôn tự nguyện, hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G (nay là xã C), tỉnh Quảng Trị vào ngày 22/8/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại [thôn B, xã C](#), thời gian đầu chúng sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, với lý do: Tính tình không hợp nhau, thường xảy ra cãi vã, hiện nay đã không còn sống chung với nhau. Nay, chị [D](#) nhận thấy cuộc sống chung giữa vợ chồng không thể tiếp tục được, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị [D](#) có nguyện vọng xin được ly hôn với anh [H](#).

- Về con chung: Chị [Trần Thị Mỹ D](#) và anh [Hò Văn H](#) có 01 con chung là cháu [Hò Thị Nhã P](#), sinh ngày 25/6/2016. Khi ly hôn, chị [Trần Thị Mỹ D](#) có nguyện vọng giao cháu [P](#) cho anh [Hò Văn H](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị [D](#) không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh [Hò Văn H](#): Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh [H](#) nhưng anh [H](#) không có mặt và cũng không có ý kiến gì. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh [H](#) đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh [H](#) vẫn vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Đương sự đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xem xét quá trình sinh sống và quan hệ hôn nhân giữa chị [D](#), anh [H](#) tại địa phương đối với trường thôn 2, [xã C, tỉnh Quảng Trị](#).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị [Trần Thị Mỹ D](#): Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh [Hò Văn H](#): Vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, đảm bảo để nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị [Trần Thị Mỹ D](#) đối với anh [Hò Văn H](#). Giao con chung là cháu [Hò Thị Nhã P](#), sinh ngày 25/6/2016 cho anh [Hò Văn H](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị [D](#) không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị [Trần Thị Mỹ D](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh [Hò Văn H](#) không có ý kiến gì,

nên đề nghị không xét. Về án phí: Chị [Trần Thị Mỹ D](#) phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị [Trần Thị Mỹ D](#) có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh [Hò Văn H](#). Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh [Hò Văn H](#) có nơi đăng ký cư trú tại [thôn B, xã C, tỉnh Quảng Trị](#). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị [Trần Thị Mỹ D](#) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh [Hò Văn H](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị [D](#), anh [H](#).

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Trần Thị Mỹ D](#) và anh [Hò Văn H](#) đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị vào ngày 22/8/2016 (*Giấy chứng nhận kết hôn số: 22/2016*), đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị [D](#) và anh [H](#) chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình, nhưng sau đó theo trình bày của chị [D](#) phát sinh nhiều mâu thuẫn với lý do: Tính cách không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến việc chị [D](#) và anh [H](#) đã không còn sống chung với nhau. Mặc dù, chị [D](#) đã tìm mọi cách khắc phục để tiếp tục xây dựng cuộc sống hôn nhân nhưng anh [H](#) vẫn cố tình không hợp tác. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh [H](#) để tiến hành làm việc nhưng anh [H](#) vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ anh [H](#) bỏ mặc, không có thiện chí muốn khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh quá trình sinh sống và quan hệ hôn nhân giữa chị [D](#), anh [H](#) tại địa phương đối với trường thôn 2, [xã C, tỉnh Quảng Trị](#) nơi chị [D](#), anh [H](#) sinh sống và bà [Nguyễn Thị H1](#) là mẹ đẻ của anh [H](#), kết quả: Sau khi kết hôn chị [D](#), anh [H](#) sống hạnh phúc tại [thôn B, xã C](#) được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, xảy ra cãi vã nên hiện nay đã không còn sống chung với nhau, anh [H](#) thường xuyên không có mặt tại địa phương.

Xét thấy, trình bày của chị [D](#) là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, thực tế mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa chị [D](#) và anh [H](#) đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị [D](#) yêu cầu được ly hôn anh [H](#) là có căn cứ, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo hồ sơ vụ án và trình bày của chị [Trần Thị Mỹ D](#), vợ chồng có 01 con chung là cháu [Hồ Thị Nhã P](#), sinh ngày 25/6/2016. Xét thấy, khi ly hôn, chị [D](#) có nguyện vọng giao cháu [P](#) cho anh [H](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị [D](#) không phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án cũng đã lấy ý kiến của cháu [P](#) về nguyện vọng của cháu khi bố, mẹ ly hôn thì cháu [P](#) có nguyện vọng được ở với bố là anh [H](#). Trong quá trình giải quyết vụ án anh [H](#) không có ý kiến gì. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu [P](#) nên việc xem xét giao cháu [P](#) cho anh [H](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu [P](#) và chị [D](#), đúng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị [Trần Thị Mỹ D](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh [Hồ Văn H](#) vắng mặt và không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn, vì vậy nguyên đơn chị [Trần Thị Mỹ D](#) phải có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị [Trần Thị Mỹ D](#) và anh [Hồ Văn H](#) có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Trần Thị Mỹ D](#). Chị [Trần Thị Mỹ D](#) ly hôn với anh [Hồ Văn H](#).

2. Về con chung: Giao cháu [Hồ Thị Nhã P](#), sinh ngày 25/6/2016 cho anh [Hồ Văn H](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu [P](#) đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị [Trần Thị Mỹ D](#) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị [Trần Thị Mỹ D](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con; Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị [Trần Thị Mỹ D](#) phải chịu số tiền: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: 0002445 ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Quảng Trị. Chị [Trần Thị Mỹ D](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị [Trần Thị Mỹ D](#), anh [Hò Văn H](#) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND KV8 - Quảng Trị;
- Phòng THADS KV8 - Quảng Trị;
- UBND xã Cửa Việt;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Đức Minh

